

Bản án số: 159/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2022
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Vũ Sơn.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Huỳnh Văn Dứt.
 2. Ông Trịnh Văn Bé.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 403/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 299/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Văn Hồng Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: số 31, đường Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long X, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Anh Võ Trần Trọng H, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp Thị 2, thị trấn Chợ M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Văn Hồng Đ trình bày, sau thời gian tự tìm hiểu chị và H được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 2013, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống chung đôi lúc cũng hay cãi vã, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn sống không tình cảm, bất đồng quan điểm, không liên lạc qua lại, vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2021 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Võ Kiến Văn, sinh ngày 29/07/2015, Võ Kiến Quốc, sinh ngày 29/7/2015. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với chị Đ, khi ly hôn chị Đ yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Đ xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận kết hôn số 00106/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp ngày 30/9/2013 (bản sao); Giấy khai sinh của Võ Kiến Văn, Võ Kiến Quốc (bản sao).

- Tại biên bản hòa giải ngày 16/5/2022 bị đơn anh Võ Trần Trọng H trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị Đ về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn không thì đúng như Đ trình bày, vợ chồng vẫn sống chung hạnh phúc, do chị Đ không liên lạc với anh. Nay chị Đ xin ly hôn thì anh không đồng ý đồng ý, Do anh còn thương vợ và thương con.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Kiến Văn, sinh ngày 29/07/2015, Võ Kiến Quốc, sinh ngày 29/7/2015. Hiện nay đang sống chung với chị Đ, do anh không đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến.

Về tài sản chung: Anh H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại đơn xin vắng mặt ngày 09.6.2022 anh Võ Trần Trọng H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đ xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh đồng ý để chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục 02 con chung tên Võ Kiến Văn, sinh ngày 29/07/2015, Võ Kiến Quốc, sinh ngày 29/7/2015. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Do anh bận làm công việc xa nên không thể tham gia các buổi hòa giải và xét xử, anh xin vắng mặt anh không KH nại gì về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Văn Hồng Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Trần Trọng H có nơi cư trú tại ấp Thị 2, thị trấn Chợ M, huyện Chợ M. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Võ Trần Trọng H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Văn Hồng Đ và anh Võ Trần Trọng H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị Đ xác định, vợ chồng mâu thuẫn, thường X cãi vã từ khoảng 02 năm cho đến nay do bất đồng quan điểm sống và anh chị không còn sống chung cách nay khoảng 02 năm.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, chị Đ và anh H thường X cãi vã. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không liên lạc với nhau. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị Đ và anh H là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ đối với H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Văn Hồng Đ xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Võ Kiến Văn, sinh ngày 29/07/2015, Võ Kiến Quốc, sinh ngày 29/7/2015. Chị Đ yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, con chung đang được chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các con chung, giúp cháu Kiến Văn, Kiến Quốc phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Kiến Văn, Kiến Quốc cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Đ không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Kiến Văn, Kiến Quốc nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Văn Hồng Đ xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Văn Hồng Đ.

1. Về hôn nhân: Chị Văn Hồng Đ được ly hôn với anh Võ Trần Trọng H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2013 ngày 30/09/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp cho anh Võ Trần Trọng H và chị Văn Hồng Đ không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Chị Văn Hồng Đ được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Kiến Văn, sinh ngày 29/07/2015, Võ Kiến Quốc, sinh ngày 29/7/2015. Anh Võ Trần Trọng H không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Chị Văn Hồng Đ cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Võ Trần Trọng H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung: Chị Văn Hồng Đ xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Văn Hồng Đ xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị Đ xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị Đ, anh H trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị Văn Hồng Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004517 do Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 4 năm 2022; Chị Văn Hồng Đ đã nộp đủ án phí.

Anh Võ Trần Trọng H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Văn Hồng Đ có quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Võ Trần Trọng H được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ M (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ M (1);
- UBND thị trấn Chợ M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn